TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/2017/QĐST-HNGĐ	*Vân Canh, ngày 24 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 51/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 1994

**** Bị đơn:*** Anh Phan Xuân H, sinh năm 1984

Đồng địa chỉ: Làng H, thị trấn V, huyện V1, tỉnh B

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ngân hàng chính sách xã hội V (Chi nhánh phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V1, tỉnh B)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kim Đ - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V1, tỉnh B.

Địa chỉ: Làng H, thị trấn V, huyện V1, tỉnh B

Anh Trần H, sinh năm: 1971

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1973

Đồng địa chỉ: Thôn T, thị trấn V, huyện V1, tỉnh B

Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm: 1949

Địa chỉ: Làng H, thị trấn V, huyện V1, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phan Xuân H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ý N và anh Phan Xuân H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung Phan Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/10/2015 cho anh Phan Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng cho con: Anh H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.4. Về tài sản chung: Chị N, anh H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Giao cho anh Phan Xuân H có nghĩa vụ trả các khoản nợ sau:

+ Trả nợ cho vợ chồng anh Trần H và chị Nguyễn Thị N số tiền 33.561.000đ (Ba mươi ba triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

+ Trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Vchi nhánh tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V1, tỉnh B số tiền nợ gốc là 26.500.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi hàng tháng khi đến hạn.

+ Trả nợ cho bà Trần Thị Thanh N (mẹ anh H) số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị N, anh H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Chị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 05397 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V1, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự**.**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện V1;
- UBND thị trấn V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Duy